TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 16/8/2023
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đinh Thị Phương Lan**

Bà **Nguyễn Thị Kim Hoa**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Không.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 240/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc: "*Xin ly hôn và nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Cẩm T**, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Trần Văn T tự tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/02/2014. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên anh chị thường xuyên cự cãi và dẫn đến sống ly thân hơn ba tháng nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, chị Trần Thị Cẩm T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Trần Văn C, sinh ngày 25/10/2005, Trần Văn Q, sinh ngày 28/6/2008 và Trần Văn K, sinh ngày 06/9/2013. Hiện nay các con đã lớn muốn theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và người không nuôi con không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Trần Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Trần Văn T không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai bị đơn anh Trần Văn T trình bày như sau*:

- Về hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Cẩm T tự tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được được UBND xã B, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/02/2014. Quá trình chung sống thì giữa vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau, hiện nay anh chị đang sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị Trần Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn thì anh Trần Văn T cũng đồng ý.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Trần Văn C, sinh ngày 25/10/2005, Trần Văn Q, sinh ngày 28/6/2008 và Trần Văn K, sinh ngày 06/9/2013. Các con muốn sống cùng với chị T thì anh T cũng đồng ý và anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Cẩm T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Cẩm T không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Theo nội dung đơn xin ly hôn của Chị Trần Thị Cẩm T thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện H nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Trần Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án*:*

[3.1]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Trần Văn T là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã B, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/02/2014. Quá trình chung sống giữa chị Trần Thị Cẩm T và anh Trần Văn T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Anh chị đã sống ly thân hơn 03 tháng nay, mỗi người có cuộc sống riêng và cũng không còn liên hệ, gặp gỡ hay hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này đã được chị Trần Thị Cẩm T và anh Trần Văn T thừa nhận. Nay chị Trần Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn thì anh Trần Văn T cũng đồng ý, không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa chị Trần Thị Cẩm T và anh Trần Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm T và anh Trần Văn T.

[3.2] Về con chung: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Trần Văn T có 03 người con chung tên Trần Văn C, sinh ngày 25/10/2005, Trần Văn Q, sinh ngày 28/6/2008 và Trần Văn K, sinh ngày 06/9/2013 hiện đang ở cùng chị Trần Thị Cẩm T. Chị T và anh T thống nhất con theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến

khi đủ 18 tuổi. Theo bản tự khai ngày 21/6/2023 các con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ (chị T) khi ba mẹ ly hôn và chị T cũng đồng ý nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao 03 người con chung tên Trần Văn C, sinh ngày 25/10/2005, Trần Văn Q, sinh ngày 28/6/2008 và Trần Văn K, sinh ngày 06/9/2013 cho chị Trần Thị Cẩm T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[3.3] Về tài sản chung: Các bên đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 55, 58; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** <u>Tuyên Xử</u>:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Trần Thị Cẩm T và Anh Trần Văn T.

2/. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Cẩm T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 người con chung tên Trần Văn C, sinh ngày 25/10/2005, Trần Văn Q, sinh ngày 28/6/2008 và Trần Văn K, sinh ngày 06/9/2013 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung: Các bên đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/. Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004636 ngày 18/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó Chị Trần Thị Cẩm T không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND xã Bình Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Quốc Chiến